TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2024/QĐST-HNGĐ	*Bảo Lâm, ngày 16 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn chị T, sinh ngày 06/9/1999;
- Bị đơn anh Tr, sinh ngày 23/12/1994;

Cùng trú tại: xóm Kh, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Tr.

[2]. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr thỏa thuận tự nguyện thuận tình ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân.

2.2. Về Con chung: Chị T và anh Tr có 02 (Hai) người con chung, tên gọi cụ thể:

- X, sinh ngày 02/11/2014;
- X1, sinh ngày 12/02/2017;

Hiện nay cháu X và cháu X2 đang ở với anh Tr tại xóm Kh, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn chị M và anh Tr thống nhất, nhất trí và dựa trên nguyện vọng của cháu X và cháu X2, để bố là anh Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi cháu X và cháu X2 đủ 18 tuổi.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh Tr tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm non con của người đó.

Đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Chị M và anh Tr tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

2.4. Về nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản: Trong thời gian hôn nhân chị M và anh Tr không cho ai vay và cũng không vay, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Chị T và anh Tr mỗi người phải chịu số tiền 75.000 đồng, án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, chị M đã tự nguyện nộp thay án phí cho anh Tr số tiền 75.000 đồng, tổng số tiền an phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị M phải chịu là 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị T được hoàn lại số tiền 150.000 đồng, (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

(Xác nhận chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số: 0003580, ngày 19/7/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng).

Các đương sự đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện;
- VKSND huyện;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Đức Thọ